

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2024/DS-ST

Ngày: 10-5-2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Văn Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Tuyết

2. Bà Lê Thị Kiều Thu

Đại diện Việt kiểm sát nhân dân Tp Phan Thiết tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Hương – Kiểm sát viên.

Thư ký phiên tòa: Ông Biện Anh Huy là Thư ký viên của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

Ngày 10 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 369/2022/TLST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 183/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 207/2024/QĐST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng T

Địa chỉ trụ sở chính: Tháp a, phường L, quận H, Tp Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức Tú, chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Tú: Ông Đinh Tuấn Khôi, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng T - Chi nhánh Bình Thuận theo Quyết định số 963/QĐ-BIDV ngày 25/10/2021.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Khôi: Ông Lương Văn Nhân, chức vụ: Phó giám đốc theo Quyết định số 122/QĐ-BIDV.BT ngày 17/11/2021 và ông Phan Phi Nghiệm, chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch Phan Thiết theo Quyết định số 123/QĐ-BIDV.BT ngày 17/11/2021 và Văn bản giao nhiệm vụ số 99/VB-BIDV.BT ngày 08/5/2024.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Phương Tr, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện T, tỉnh Bình Thuận

3.2 Bà Lương Thị D, sinh năm 1955 (chết)

Địa chỉ: Xóm A, xã C, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của Bà D:

Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1978

Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện T, tỉnh Bình Thuận

Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1990

Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1991

Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1993

Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1995

Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1998

Địa chỉ: Thôn Hà Thủy 2, xã Chí Công, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt ông Nghiêm; vắng mặt Bà Tr, Ông Th, Ông M, Ông K, Ông C, Ông H, Ông H1, Ông Tr.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:***

Bà Nguyễn Thị Phương Tr, Ông Nguyễn Văn Th vay vốn tại Ngân hàng T chi nhánh Bình Thuận – Phòng giao dịch Phan Thiết, thông qua 02 hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

1. Hợp đồng tín dụng số 617/2017/9945759/HĐTD ngày 04/7/2017 Bà Tr, Ông Th vay số tiền 500.000.000 đồng; thời hạn vay 96 tháng; lịch trả nợ gốc vào ngày 25 hàng tháng, gốc mỗi tháng trả 5.200.000 đồng, tháng cuối trả 6.000.000 đồng; bắt đầu trả từ tháng 8/2017. Lãi trả hàng tháng vào ngày 25, bắt đầu trả từ tháng 7/2017. Lãi suất vay: 10.75%/năm và được điều chỉnh vào các ngày 01/01, 01/7 hàng năm theo lãi suất cho vay cùng loại do BIDV Bình Thuận công bố; lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Mục đích vay: Tiêu dùng, mua sắm vật dụng gia đình.

Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 616/2017/9945759/HĐBĐ số công chứng 2471, quyền số 02/2017 TP/CC-SCC-HĐGD ngày 04/7/2017 tại Văn phòng công chứng Thái Dương.

2. Hợp đồng tín dụng số 846/2018/9945759/HĐTD ngày 24/8/2018 Bà Tr, Ông Th vay số tiền 500.000.000 đồng; thời hạn vay 96 tháng; lịch trả nợ gốc vào ngày 25 hàng tháng, gốc mỗi tháng trả 5.200.000 đồng, tháng cuối trả 6.000.000 đồng; bắt đầu trả từ tháng 9/2018. Lãi trả hàng tháng vào ngày 25, bắt đầu trả từ tháng 9/2018. Lãi suất vay: 10.9%/năm và được điều chỉnh vào các ngày 01/01, 01/7 hàng năm theo lãi suất cho vay cùng loại do BIDV Bình Thuận công bố; lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Mục đích vay: Tiêu dùng, mua sắm vật dụng gia đình.

Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp bất động sản của bên thứ ba số 845/2018/11433449/HĐBĐ số công chứng 4813, quyền số 03/2018TP/CC-SCC-HĐGD ngày 23/8/2018 tại Văn phòng công chứng Thái Dương.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Ông Th, Bà Tr đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 01/7/2019 như đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng với ngân hàng. Ngân hàng nhiều lần làm việc với Bà Tr, Ông Th nhưng vẫn không thực hiện được.

Tính đến ngày 10/5/2024, Bà Tr, Ông Th còn nợ của ngân hàng tổng số tiền của hai hợp đồng tín dụng là 1.055.200.206đồng, trong nợ gốc là 698.800.000đồng, nợ lãi trong hạn là 306.343.159 đồng và nợ lãi quá hạn là 50.057.047 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu Bà Tr, Ông Th trả cho ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 10/5/2024 là 1.055.200.206đồng và kể từ ngày 11/5/2024 Bà Tr, Ông Th phải chịu lãi phát sinh theo thỏa thuận của các hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ vay cho Ngân hàng.

Trường hợp Bà Tr, Ông Th không thực hiện hay thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 616/2017/9945759/HĐBĐ số công chứng 2471, quyền số 02/2017 TP/CC-SCC-HĐGD ngày 04/7/2017 tại Văn phòng công chứng Thái Dương; hợp đồng thế chấp bất động sản của bên thứ ba số 845/2018/11433449/HĐBĐ số công chứng 4813, quyền số 03/2018TP/CC-SCC-HĐGD ngày 23/8/2018 tại Văn phòng công chứng Thái Dương để thu hồi nợ.

Ngân hàng yêu cầu Bà Tr, Ông Th phải trả lại cho ngân hàng số tiền 7.000.000đồng tiền chi phí tố tụng về việc xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp mà ngân hàng đã tạm ứng trước.

*** *Tại bản tự khai ngày 04/01/2023 bị đơn Bà Nguyễn Thị Phương Tr trình bày:***

Năm 2017 và 2018 bà có ký 02 hợp đồng tín dụng với Ngân hàng T chi nhánh Bình Thuận – Phòng giao dịch Phan Thiết để vay tổng số tiền là 1.000.000.000 đồng và có thế chấp tài sản, trong đó hợp đồng thế chấp năm 2017 bà và chồng bà là Ông Th ký, còn năm 2018 là Bà Lương Thị D ký để đảm bảo tiền vay cho vợ chồng bà.

Tuy nhiên do tình hình dịch bệnh nên làm ăn khó khăn mới không trả nợ đúng cho ngân hàng được.

Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà trả nợ thì bà cũng đồng ý trả nợ cho ngân hàng. Trường hợp không thực hiện hay thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng thì bà đồng ý xử lý tài sản thế chấp theo 02 hợp đồng thế chấp để ngân hàng thu nợ.

*** *Tại Biên bản lấy lời khai ngày 04/01/2023 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn Văn Th trình bày:***

Ông có ký hợp đồng cùng với Bà Tr vay số tiền 500.000.000 đồng để tiêu dùng và mua sắm vật dụng gia đình với thời hạn là 96 tháng. Còn vay vào năm 2017 ông không có ký tên trong hợp đồng tín dụng mà chỉ có Bà Tr đứng tên, ông chỉ ký tên trong đơn đề nghị vay vốn. Ông có ký hợp đồng thế chấp đối với thửa đất số 157, tờ bản đồ số 79 tọa lạc tại Thôn H, xã C, huyện T, tỉnh Bình Thuận cùng với Bà Tr để đảm bảo cho khoản vay. Về tiền gốc thì đúng như trên, còn tiền lãi thì ông chưa tính được. Do dịch bệnh nên khó khăn nên không trả

được nợ cho ngân hàng như đã thỏa thuận. Nay ngân hàng yêu cầu trả nợ thì ông đồng ý cùng Bà Tr trả nợ cho ngân hàng, nếu không trả nợ được thì ông yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của vợ chồng ông và tài sản thế chấp của Bà Lương Thị D là mẹ của ông để ngân hàng thu hồi nợ.

** Người kế thừa quyền lợi, nghĩa vụ tố tụng của Bà Lương Thị D gồm Ông Nguyễn Văn M, Ông Nguyễn Văn K, Ông Nguyễn Văn C, Ông Nguyễn Văn H, Ông Nguyễn Văn H1, Ông Nguyễn Văn Tr đã được Toà án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt và cũng không trình bày ý kiến gì đối với nguyên đơn và bị đơn.*

Vụ án không hòa giải được do bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người kế thừa quyền, nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

Sau khi những người tham gia tố tụng trình bày ý kiến, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, của đương sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về phần nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử xử theo hướng chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc Bà Tr, Ông Th trả cho Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 10/5/2024 là 1.055.200.206 đồng và kể từ ngày 11/5/2024 Bà Tr, Ông Th phải chịu lãi phát sinh theo thỏa thuận của các hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ vay cho Ngân hàng. Nếu Bà Tr, Ông Th không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Đồng thời buộc Bà Tr, Ông Th phải trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng chi phí tố tụng mà Ngân hàng đã tạm ứng để chi tiền xem xét, thẩm định tại chỗ và phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng T (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) yêu cầu Bà Nguyễn Thị Phương Tr, Ông Nguyễn Văn Th trả nợ; Bà Tr, Ông Th có nơi cư trú tại huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận nhưng các bên có thỏa thuận bằng văn bản nếu có tranh chấp thì được giải quyết tại Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng dân sự, cụ thể là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Bà Lương Thị D đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xử vắng mặt.

[3] Về nội dung khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu Bà Tr, Ông Th trả nợ đối với Hợp đồng tín dụng số 617/2017/9945759/HĐTD ngày 04/7/2017 và Hợp đồng tín dụng số 846/2018/9945759/HĐTD ngày 24/8/2018:

Xét các hợp đồng tín dụng nêu trên cho thấy các bên tham gia hợp đồng đều có đủ năng lực hành vi dân sự, trên cơ sở tự nguyện, các thỏa thuận có nội dung và mục đích để thực hiện nhu cầu của mỗi bên, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Do đó, các bên phải thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các hợp đồng tín dụng mà các bên đã thỏa thuận. Ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền vay cho Bà Tr, Ông Th. Vì vậy, các hợp đồng tín dụng nêu trên có hiệu lực pháp luật, đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ pháp lý ràng buộc các bên giao kết phải thực hiện.

Các khoản vay theo các hợp đồng nêu trên hiện tại vẫn do Ngân hàng quản lý, chưa bán hoặc chuyển giao quyền đòi nợ cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào. Do vậy, Ngân hàng có quyền khởi kiện đối với Bà Tr, Ông Th khi có vi phạm.

Mặc dù các hợp đồng tín dụng nêu trên chưa hết hạn hợp đồng nhưng kể từ ngày 01/7/2019 Bà Tr, Ông Th đã vi phạm chu kỳ trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng mà không được ngân hàng gia hạn hay điều chỉnh kỳ hạn trả nợ nên đã vi phạm. Căn cứ vào Điều 280, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc Bà Tr, Ông Th phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền gốc tính hết ngày 10/5/2024 là 1.055.200.206 (*một tỉ không trăm năm mươi lăm triệu hai trăm nghìn hai trăm lẻ sáu*) đồng.

[4] Về lãi suất cho vay: Tại các hợp đồng tín dụng nêu trên các bên có thỏa thuận lãi suất cho vay trong hạn và cơ chế điều chỉnh lãi suất được quy định của ngân hàng và thỏa thuận lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Các bên thỏa thuận về lãi suất nêu trên là phù hợp với quy định tại Điều 13 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng và Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng. Vì vậy, yêu cầu tính lãi suất của Ngân hàng được chấp nhận nên buộc Bà Tr, Ông Th phải trả cho Ngân hàng tổng tiền lãi của các hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày 10/5/2024 là 356.400.206 (*ba trăm năm mươi sáu triệu bốn trăm nghìn hai trăm lẻ sáu*) đồng (trong đó nợ lãi trong hạn là 306.343.159 đồng và nợ lãi quá hạn là 50.057.047 đồng); Bà Tr, Ông Th phải tiếp tục phải trả tiền lãi phát sinh theo lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng nêu trên kể từ ngày 11/5/2024 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ. Trường hợp trong các Hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo

từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà Bà Tr, Ông Th phải tiếp tục trả cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[5] Về yêu cầu của Ngân hàng xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp Trang, Ông Th không thực hiện hay thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ:

Xét Hợp đồng thế chấp bất động sản số 616/2017/9945759/HĐBĐ số công chứng 2471, quyền số 02/2017 TP/CC-SCC-HĐGD ngày 04/7/2017 tại Văn phòng công chứng Thái Dương và Hợp đồng thế chấp bất động sản của bên thứ ba số 845/2018/11433449/HĐBĐ số công chứng 4813, quyền số 03/2018TP/CC-SCC-HĐGD ngày 23/8/2018 tại Văn phòng công chứng Thái Dương, cho thấy các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự, trên cơ sở tự nguyện, các thỏa thuận có nội dung và mục đích để thực hiện quyền nghĩa vụ của mỗi bên, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội; đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm; phù hợp với quy định của Điều 4, Điều 5 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm và Điều 298, Điều 319 của Bộ luật dân sự. Vì vậy, các hợp đồng thế chấp có hiệu lực buộc các bên phải thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình đã thỏa thuận trong hợp đồng.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ngân hàng trong trường hợp Bà Tr, Ông Th không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 616/2017/9945759/HĐBĐ số công chứng 2471, quyền số 02/2017 TP/CC-SCC-HĐGD ngày 04/7/2017 tại Văn phòng công chứng Thái Dương và Hợp đồng thế chấp bất động sản của bên thứ ba số 845/2018/11433449/HĐBĐ số công chứng 4813, quyền số 03/2018TP/CC-SCC-HĐGD ngày 23/8/2018 tại Văn phòng công chứng Thái Dương để thu hồi nợ.

[6] Về án phí và chi phí tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Phương Tr, Ông Nguyễn Văn Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ngân hàng đã nộp 7.000.000đồng chi phí tố tụng về việc xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp. Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên Bà Tr, Ông Th phải chịu chi phí này; Vì vậy buộc Bà Tr, Ông Th phải có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền này cho Ngân hàng.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp Phan Thiết tại phiên tòa về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 298, Điều 319, Điều 466 và Điều 357 của Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Luật thi hành án dân sự.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T.

Buộc Bà Nguyễn Thị Phương Tr, Ông Nguyễn Văn Th phải trả cho Ngân hàng T tổng số tiền tính đến ngày 10/5/2024 là 1.055.200.206 (*một tỉ không trăm năm mươi lăm triệu hai trăm nghìn hai trăm lẻ sáu*) đồng (trong đó bao gồm nợ gốc là 698.800.000đồng, nợ lãi trong hạn là 306.343.159đồng và nợ lãi quá hạn là 50.057.047đồng).

Kể từ ngày 11/5/2024, Bà Tr, Ông Th còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 617/2017/9945759/HĐTD ngày 04/7/2017 và Hợp đồng tín dụng số 846/2018/9945759/HĐTD ngày 24/8/2018 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ. Trường hợp trong các hợp đồng tín dụng nêu trên, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà Bà Tr, Ông Th phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp Bà Nguyễn Thị Phương Tr, Ông Nguyễn Văn Th không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 616/2017/9945759/HĐBĐ số công chứng 2471, quyền số 02/2017 TP/CC-SCC-HĐGD ngày 04/7/2017 tại Văn phòng công chứng Thái Dương và hợp đồng thế chấp bất động sản của bên thứ ba số 845/2018/11433449/HĐBĐ số công chứng 4813, quyền số 03/2018TP/CC-SCC-HĐGD ngày 23/8/2018 tại Văn phòng công chứng Thái Dương để thu hồi nợ.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Phương Tr, Ông Nguyễn Văn Th phải chịu 43.656.006 (*bốn mươi ba triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn không trăm lẻ sáu*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại số tiền 19.720.000 (*mười chín triệu bảy trăm hai mươi nghìn*) đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014072 ngày 27/12/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết cho Ngân hàng T.

4. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị Phương Tr, Ông Nguyễn Văn Th phải hoàn trả lại số tiền 7.000.000 (*bảy triệu*) đồng chi phí tố tụng cho Ngân hàng T.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành nếu người bị thi hành án chậm trả số tiền 7.000.000 đồng thì người bị thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; nếu không có thỏa thuận thì được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ngân hàng T, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bà Nguyễn Thị Phương Tr, Ông Nguyễn Văn Th, Ông Nguyễn Văn M, Ông Nguyễn Văn K, Ông Nguyễn Văn C, Ông Nguyễn Văn H, Ông Nguyễn Văn H1, Ông Nguyễn Văn Tr có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tp PT;
- CCTHADS Tp PT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Quách Văn Hoàng